TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày19-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh

Ông Nguyễn Văn Gia

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh-Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Man Anh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2019/TLST-HS, ngày 19 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Mạnh T**, sinh năm: 1982.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá:12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Hà Thị B; Vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983 và có 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012); Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 02. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 25/6/2012, bị TAND tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 06(sáu) tháng tùvề tội: "Đánh bạc".

- Ngày 16/4/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2018 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Xuân H**, sinh năm: 1993.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá:9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết)và bà:Dương Thị B; Vợ: Tạ Thị Q, sinh năm 1992 và có 01 con nhỏ sinh năm 2015; Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 02. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáobị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2018 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Bị hại:* Chị Lê Thị H, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Xóm P, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Dương Đình C, sinh năm: 1983.

Nơi ĐKNKTT: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 5, xã L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Xóm C, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

3. Anh Dương Văn T, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

4. Chị Tạ Thị Q, sinh năm: 1992.

Nơi cư trú: Xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

5. Bà Dương Thị B, sinh năm: 1962.

Nơi cư trú: Xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1982 và Nguyễn Xuân H, sinh năm 1993, đều trú tại xóm H, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên rủ nhau cùng đi chặn xe mô tô ở đoạn đường vắng để cướp tài sản của những người phụ nữ đi đường.

Để thực hiện ý định trên đến khoảng 19 giờ ngày 14/12/2018, H đi sang nhà anh họ là Dương Văn T, sinh năm 1992 (ở cùng xóm) và hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS: 20B1 – 262.39 của anh T. Sau đó, Hương điều khiển xe đến đón T rồi cả hai đi lòng vòng trên đường, khi đến đoạn đường bê tông thuộc xóm P, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì dừng lại. Tại đây, T và H bàn bạc, thống nhất T ở lại dùng cành rong tre mai kéo chặn ngang đường, khi thấy xe mô tô đi qua dừng lại thì đến cướp tài sản, còn H điều khiển xe mô tô đi loanh quanh tìm người nào là phụ nữ thì đi sau báo hiệu bằng đèn để T biết và thực hiện việc cướp tài sản.

Sau khi thống nhất xong, H điều khiển xe mô tô đi, còn T kéo khoảng 02 đến 03 cành rong tre mai mỗi cành dài khoảng 02m chặn ngang đường bê tông rồi đứng gần đó chờ. Một lúc sau có chị Lê Thị H, sinh năm 1985, trú tại xóm P, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20G1- 388.60 đi làm từ Công ty Sam sung Phổ Yên về nhà. Khi đi qua đoạn đường trên, chị H thấy có cành rong tre chắn ngang đường nên đã dừng xe lại. Lúc này, T tay cầm dao (loại dao bài, dài khoảng 20 cm) tiến đến, chị H sợ quá xuống xe bỏ chạy về phía sau làm xe đổ ra đường, chạy được một đoạn thì bị Tưởng đuổi kịp dí dao vào cổ và yêu cầu chị đưa điện thoại và tiền. Chị H đưa cho T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen. Tiếp đến, T dùng tay lục các túi trên người chị H nhưng không thấy có tài sản gì nên đã bỏ chị H ra rồi đi đến chỗ xe mô tô vừa đổ dựng lên điều khiển xe bỏ chạy theo hướng Phổ Yên-Thái Nguyên. Lúc này, H điều khiển xe mô tô đi đến giả vờ hỏi chị H:*"có việc gì đấy" chị H kêu "cướp xe, cướp xe",* H nói với chị H*"cướp xe à chị"* rồi quay đầu xe phóng đi theo hướng của T.

Khi cả hai đi đến gần khu vực Công ty Sam Sung thuộc xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên thì dừng lại. T vứt con dao xuống ao cạnh đó rồi cùng H kiểm tra trong cốp xe mô tô vừa cướp được thấy có đăng ký xe mang tên Lê Thị H và 03 tờ 200 đồng, 01 tờ 1000 đồng để trong chiếc ví da đã cũ. T cầm giấy đăng ký xe còn mấy tờ tiền lẻ thì H cầm. Sau đó, T điều khiển xe mô tô vừa cướp được, H điều khiển xe mô tô mượn của T đi lên hướng thành phố T.

Trên đường đi T và H rẽ vào quầy mua bán xe máy của anh Dương Đình C, sinh năm 1983, HKTT tại xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Hiện ở tại xóm 5, xã L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên) bán chiếc xe mô tô trên cho anh C được 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền bán xe T chia cho H 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Khi trả xe, H đưa cho anh T 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để đổ xăng, đưa cho mẹ đẻ (là Dương Thị B) 500.000đ (Năm

trăm nghìn đồng), cho vợ là Tạ Thị Q 3.000.000đ (Ba triệu đồng), số tiền còn lại H đem đi tiêu sài cá nhân hết. T cầm số tiền 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) rồi đi đến quán điện thoại của chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1983, trú tại, xóm C, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên mua 01 chiếc điện thoại hiệu Sam sung Galaxy S6 hết 1.900.000đ(Một triệu chín trăm nghìn đồng), số tiền còn lại T tiêu sài cá nhân. Đến khi bị bắt, T còn 110.000đ (Một trăm mười nghìn đồng) và đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Số tiền lẻ trong cốp và chiếc điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đen cướp được của chị H, T và H không nhớ đã để rơi mất ở đâu.

Cùng ngày, chị H đã làm đơn trình báo gửi đến Công an xã N, huyện P đề nghị giải quyết. Công an xã N đã báo cáo và chuyển các tài liệu có liên quan đến Cơ quan điều tra Công an huyện P để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 18/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã yêu cầu hội đồng định giá tài sản huyện P định giá chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave BKS: 20G1- 388.60 và chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280. Ngày 25/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: Tổng giá trị của chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại nêu trên là 10.050.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, T và H đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKS-PB ngày 15/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Xuân H về tội: "Cướp tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Xuân H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Xuân H phạm tội: "Cướp tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Mạnh T từ 08 đến 09 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân H từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho:

- Bị hại chị H 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20G1-388.60 và 01 đăng ký của xe để quản lý, sử dụng;

- Chị Nguyễn Thu H và 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy S6 để quản lý, sử dụng;

- Đối với 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 03 tờ 200 đồng, 01 tờ 1000 đồng, 01 con dao (loại dao bài, dài khoảng 20cm) đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên không xem xét xử lý;

- Đối với số tiền 5.710.000 đồng đã thu hồi của các bị cáo cần tạm giữ để trả lại cho anh C.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, 579, 580 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự:Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh C và các bị cáo về việc hoàn trả lại 10.000.000 đồng tiền mua bán xe mô tô của bị hại; anh C đề nghị số tiền thu hồi được 5.710.000 đồng(cụ thể: H 3.700.000 đồng và T 2.010.000 đồng) tạm giữ để trả lại cho anh. Các bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả cho anh C, cụ thể: bị cáo T 2.590.000 đồng và bị cáo H 1.700.000 đồng.

Bị hại chị H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đen và 1.600 đồng tiền lẻ, do tài sản có giá trị không lớn.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để các bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên trong quá trình điều tra,truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp

pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn khẳng định:

Khoảng 19 giờ ngày 14/12/2018, tại đoạn đường bê tông thuộc xóm P, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo: Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Xuân H đã cùng nhau thực hiện hành vi cướp tài sản của chị Lê Thị H. Bị cáo T đã dùng dao (loại dao bài dài khoảng 20 cm) khống chế cướp tài sản của chị H là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 1280 và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20G1- 388.60, tổng trị giá 10.050.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, cả hai đem bán chiếc xe mô tô nêu trên cho anh Dương Đình C được 10.000.000đ (Mười triệu đồng) rồi chia nhau tiêu sài cá nhân.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Xuân H có đủ yếu tố cấu thành tội: "Cướp tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 đến 15 năm:

d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác.

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương và còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự để răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình

sự;

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo khôngphải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, bị cáo H chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T ngày 25/6/2012, bị TAND tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội: "Đánh bạc"; Ngày 16/4/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội tỏ ra coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành công dân tốt.

[7] Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò của từng bị cáo: Đối với bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê việc thực hiện tội phạm, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Vì vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc một mức án tương ứng với hành vi phạm tội đối với từng bị cáo đã gây ra.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo đều là người nghiện ma túy, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại chị H trình bày:Tôi đã nhận lại tài sản do Cơ quan CSĐT trả lại, đối vớichiếc điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đen và 1.600 đồng tiền lẻ, do tài sản có giá trị không lớn và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo pháp luật. Xét thấy yêu cầu của bị hại là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Tại phiên tòa anh C trình bày: Anh có mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS: 20G1- 388.60 và đăng ký xe mang tên Lê Thị H với giá 10.000.000 đồng của các bị cáo. Khi mua xe có giấy tờ mua bán xe, có giấy đăng ký xe, khi hỏi nguồn gốc xe bị cáo T nói là xe của vợ, hiện đang bị tai nạn cần tiền để mổ chân; chiếc xe mô tô và đăng ký xe anh đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT để giải quyết vụ án và đã trả lại cho bị hại.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh C và các bị cáo về việc hoàn trả lại 10.000.000 đồng tiền mua bán xe mô tô của bị hại; anh C đề nghị trả lại cho anh số tiền thu hồi được của các bị cáo là 5.710.000 đồng (cụ thể: H 3.700.000 đồng và T 2.010.000 đồng). Các bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả cho anh C, cụ thể: bị cáo T 2.590.000 đồng và bị cáo

H 1.700.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho:

- Bị hại chị H 01(một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20G1-388.60 và 01 đăng ký của xe để quản lý, sử dụng;

- Chị Nguyễn Thu H 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy S6 để quản lý, sử dụng;

- Đối với 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, 03 tờ 200 đồng, 01 tờ 1000 đồng, 01 con dao (loại dao bài, dài khoảng 20cm) đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên không xem xét xử lý;

- Đối với số tiền 5.710.000 đồng đã thu hồi của các bị cáo cần tạm giữ để trả lại cho anh C.

[11] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[12] Trong vụ án này, còn có anh T, bà B, chị Q được bị cáo H đưa cho số tiền do phạm tội mà có; chị H đã bán cho bị cáo T một chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy S6 với giá 1.900.000 đồng nhưng đều không biết tiền là do phạm tội mà có và đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT để giải quyết vụ án.Hành vi của những người nêu trên không vi phạm pháp luật, nên CQĐT khôngxem xét xử lý.

[13] Về tạm giam các bị cáo: Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam các bị cáo T và H với thời hạn 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[14]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sựvà Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; 58; 38 và Điều 48của Bộ luật Hình sự; Điều 357; 579; khoản 1 Điều 580 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 326 và Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Xuân H phạm tội: "Cướp tài sản".

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt Nguyễn Mạnh T **08** (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2018.

Xử phạt Nguyễn Xuân H **08** (Tám) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2018.

3. Về tạm giam các bị cáo: Ra Quyết định tạm giam các bị cáo Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Xuân H với thời hạn **45** (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4.Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Dương Đình C và các bị cáo về việc hoàn trả lại 10.000.00đ (Mười triệu đồng) tiền mua bán xe mô tô của bị hại. Trả lại cho anh C 5.710.000đ (Năm triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Các bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả cho anh C số tiền, cụ thể: T 2.590.000đ (Hai triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng) và H 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh C có đơn yêu cầu thi hành, các bị cáo T và H không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau: Tạm giữ 5.710.000đ (Năm triệu bảy trăm mười nghìn đồng) để trả lại cho anh Dương Đình C.

(Theo ủy nhiệm chi ngày 20/3/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra của Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P).

6. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáoT, H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 129.500đ (Một trăm hai mươi

chín nghìn năm trăm đồng), bị cáo H phải chịu 85.000đ (Tám mươi lăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

7. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (anh C, chị Q, anh T) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà B, chị H) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHA-DS huyện P;
- Các bị cáo, BH, NCQLNVLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sái Đức Trung